

Số: /QĐ-BQL

Thái Nguyên, ngày tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024

GIÁM ĐỐC BQL RỪNG ĐẶC DỤNG, PHÒNG HỘ TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Quyết định số 3150/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc giao dự toán ngân sách nhà nước tỉnh Thái Nguyên năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 733/QĐ-SNN ngày 29/12/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị trực thuộc Sở;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Kỹ thuật Ban.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024 của Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ tỉnh Thái Nguyên (*nội dung chi tiết theo biểu đính kèm*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông bà Trưởng, Phó phòng Kế hoạch - Kỹ thuật, các phòng nghiệp vụ và các đơn vị liên quan thuộc và trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở NN&PTNT tỉnh Thái Nguyên;
- Các phòng nghiệp vụ;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Trang thông tin điện tử Ban;
- Lưu: VT, KHKT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Lịch

Đơn vị: Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ tỉnh Thái Nguyên

Chương: 412

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BQL, ngày /01/2024 của Ban quản lý
rừng đặc dụng, phòng hộ tỉnh Thái Nguyên)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0
I	Số thu phí, lệ phí	0
1	Lệ phí	
2	Phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0
1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	0
1	Lệ phí	
2	Phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	11.414,00
I	Nguồn ngân sách trong nước	11.414,00
1	Chi quản lý hành chính	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	0
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	0
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	8.954,00
6.1	Kinh phí tự chủ/thường xuyên	5.661,00
6.2	Kinh phí không tự chủ	3.293,00
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi Chương trình mục tiêu	2.460,00
11.1	Kinh phí từ nguồn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2024	2.460,00
II	Nguồn vốn viện trợ	0
III	Nguồn vốn vay nước ngoài	0

Ngày tháng 01 năm 2024
GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Lịch